

Než začnete vyplňovat tiskopis, přečtěte si, prosím, pokyny.

Finančnímu úřadu v, ve, pro

PRAHA 4

01 Daňové identifikační číslo

CZ7156152134

02 Registrace / oznámení změny\*)

obal podacího razítka finančního úřadu

## PŘIHLÁŠKA K REGISTRACI pro fyzické osoby

03

a) k dani z příjmů fyzických osob

ANO

b) k dani z přidané hodnoty

NE

(příhláška k registraci k DPH)

c) k dani z nemovitostí

NE

ode dne 2 0 0

d) k dani silniční

NE

ode dne 2 0 0

e) k dani z příjmů jako plátcí: 1. daně z příjmů ze závislé činnosti a funkčních požitků

NE

ode dne 2 0 0

2. daně z příjmů vybírané srážkou podle zvláštní sazby daně

NE

ode dne 2 0 0

3. zajišťující daň z příjmů

NE

ode dne 2 0 0

04 Příjmení

NGUYEN

05 Rodné příjmení

06 Jméno

THI LAN

07 Titul

08 Rodné číslo

71561512134

09 Adresa bydliště (místa trvalého pobytu):

a) ulice a číslo orientační, část obce a číslo popisné

NOVA 1234/6

b) obec

PRAHA 4-NUSLE

c) PSČ

14000

d) stát

ČESKÁ REPUBLIKA

e) telefon

775666888

f) fax

g) e-mail

10 Počátek provozování výdělečné činnosti dne:

01.08.2010

11 Povolení - oprávnění k podnikatelské činnosti ode dne:

31.07.2010

a) vydáno kým

MĚSTSKÝM SOUDEM V PRAZE

b) vydáno pod evidenčním číslem

A45678

c) obchodní firma\*) včetně dodatku

THI LAN NGUYEN

d) identifikační číslo

62612345

e) počet vydaných oprávnění 01

12 Převažující předmět podnikání - činnosti

MA L O O B C H O D

13 Místo podnikání

a) ulice a číslo orientační, část obce a číslo popisné

NOVA' 1234/6

b) obec

PRAHA 4 - NUSLE

c) PSČ

140 00

d) telefon

775 666 888

e) fax

d) telefon

d) telefon

14 Organizační složky podniku:

a) počet odštěpných závodů:

NE

b) počet provozoven:

01

c) počet platebních pokladen:

01

15 Čísla účtů u bank, spořitelnic a úvěrních družstev:

účet v ČR

a) číslo účtu / směrový (identifikační) kód

01234567890100

měna, ve které je účet veden

CZK

vlastníkem účtu je daňový subjekt ano/ne

ANO

b) číslo účtu / směrový (identifikační) kód

měna, ve které je účet veden

vlastníkem účtu je daňový subjekt ano/ne

účet vedený v zahraničí

IBAN

typ ID banky

ID banky

měna, ve které je účet veden

vlastníkem účtu je daňový subjekt ano/ne

název účtu

název banky

ulice banky

město banky

PSČ banky

stát

\*) nehodící se škrtněte

16 Zastupování v daňových záležitostech:

a) smluvní zástupce ano/ne:  NE V případě „ano“ je přílohou plná moc.

b) zákonný zástupce ano/ne:  NE

Identifikační údaje zákonného zástupce

Příjmení

Jméno

Adresa bydliště (místa trvalého pobytu):

ulice a číslo orientační, část obce a číslo popisné

obec

PSČ

telefon

e-mail

17 Zástupce pro doručování ano/ne:  NE V případě „ano“ je přílohou plná moc.

18 Adresa pro doručování:

a) ulice a číslo orientační, část obce a číslo popisné

b) obec

c) PSČ

d) telefon

e) fax

19 Předcházející daňová registrace:

a) byl jsem již dříve registrován (ano / ne):  ANO od - do:

b) u kterého finančního úřadu

c) přidělené daňové identifikační číslo

d) důvod zrušení registrace

20 Právní předchůdce

a) Daňové identifikační číslo

b) Identifikace

21 Zahraniční DIČ:

PROHLAŠUJI, ŽE VŠECHNY MNOU VÝŠE UVEDENÉ ÚDAJE JSOU PRAVDIVÉ A ÚPLNÉ  
A JSEM SI VĚDOM SVÉ POVINNOSTI HLÁSIT KAŽDOU ZMĚNU DO 15 DNŮ.

a) jméno

b) příjmení

Datum

Podpis



\*) nevhodící se škrtněte

## Finanční úřad – Phòng Tài chính

Đăng ký khai báo, đóng thuế - Xin cấp số đăng ký thuế( DIČ). (Příhláška k registraci pro fyzické osoby)

Doanh nhân cá thể (fyzická osoba) hay pháp thể ( právnická osoba) đều phải đăng ký khai báo và đóng thuế ở phòng tài chính theo địa chỉ thường trú, trụ sở công ty. Mẫu này dành cho doanh nhân cá thể, áp dụng cho đa số người Việt chúng ta ở Séc.

Đăng ký phòng tài chính tại, dành cho quận, huyện : (Prah 4, Chebu...)

01. Số đăng ký thuế : ( ghi số DIČ đã có- thường là như số sinh...)
02. Đăng ký mới/ thông báo thay đổi.
03. Đăng ký loại thuế :
  - a) thuế thu nhập cá nhân ano/ne
  - b) thuế thặng dư ( DPH) ano/ne
  - c) thuế bất động sản ano/ne
  - d) thuế đi đường (nếu có xe cộ phục vụ cho KD) ano/ne
  - e) thuế thu nhập từ các nguồn khác 1,2,3 ano/ne
04. Họ
05. Họ cũ
06. Tên
07. Học vị ( ing. -kỹ sư, Mudr. -bác sĩ ...)
08. Số sinh
09. Địa chỉ thường trú :
  - a) phố, số nhà
  - b) quận , huyện
  - c) số bưu điện
  - d) quốc gia
  - e) điện thoại
  - f) fax
  - g) email
10. Bắt đầu kinh doanh từ khi nào ...
11. Được cấp phép kinh doanh từ khi nào : ( thường theo ngày đăng ký vào tòa thương mại)
  - a) Cơ quan nào cấp phép: ( tòa án thương mại – obchodní rejstřík)
  - b) Số đăng ký : A2345,C6789...
  - c) Tên hiệu công ty.
  - d) Số đăng ký kinh doanh ( IČO)
  - e) Số lượng ngành nghề được phép kinh doanh.
12. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Obchod (velkoobchod, maloobchod), hostinská, činnost, zprostředkovatelská činnost obchodu a služeb...
13. Nơi kinh doanh ( thường ghi theo đ/c thường trú)
  - a) phố, số nhà, phường, xã.
  - b) quận, huyện
  - c) số bưu điện
  - d) điện thoại...
14. các cơ sở của công ty ( dành cho cty trách nhiệm hữu hạn...)
15. Tài khoản ngân hàng ở Séc :
  - a), b) số TK và kod của NH ( ví dụ Komerční banka), chủ TK là người đăng ký thuế ? ( ano).Tiếp theo là số liệu về tài khoản lập ở nước ngoài, nếu có thì khai...
16. Người Đại diện trong các vấn đề liên quan đến thuế: nếu có(ano) thì khai tên , đ/c, liên lạc.
17. Người đại diện nhận thư từ: nếu có (ano) thì khai tên , đ/c, liên lạc.
18. Địa chỉ nhận thư từ:
  - a) phố, số nhà, phường, xã.
  - b) quận, huyện
  - c) số bưu điện

d) điện thoại...

e) fax

19. Đăng ký thuế:

a) trước kia đã từng đăng ký( ano/ne), từ khi nào đến khi nào :

b) ở phòng tài chính nào :

c) số đăng ký (DIČ) đã được cấp.

d) lý do hủy đăng ký đó : ( ví dụ chuyển chỗ ở- stěhování)

20. Công ty trước kia( dành cho s.r.o)

a) số DIČ

b) số liệu về công ty.

21. Số thuế đăng ký ở nước ngoài.

**Sau đó là lời tuyên thệ rằng các số liệu ghi trên hoàn toàn đúng sự thật, và cam kết sẽ thông báo cho sở thuế mọi thay đổi trong vòng 15 ngày.**

a) tên người đăng ký

b) họ

c) ngày đăng ký.

Ký và ô cuối cùng bên phải

*Ing. Nguyễn Doãn Trường*